

Lực Lượng Hải Tuần

Trích từ Hồi ký của Nguyễn Thái Dương

Để tưởng niệm những người anh và các chiến hữu đã trở về lòng đất mẹ. Các anh Trần văn Lâm, Trịnh hòa Hiệp, Phạm văn Tiêu, Lưu Chuyên, Liên Phong, Trần văn Hản, Nguyễn quang Hùng, Trần thúy Bách, Hà hiếu Diệp.

Thân gởi các chiến hữu B5, những người đã cùng tôi chia xẻ những hiểm nguy cũng như những niềm kiêu hãnh trong cuộc đời chiến sĩ.

Nguyễn thái Dương

------o0o------

Cùng vào lính vào giữa năm 1960, trở thành Sinh viên Sĩ quan khóa mà các anh em ham đỏ đen gọi là khóa bù, chúng tôi ra trường vào tháng 7, 1962. T. với phong cách chững chạc, to con và đẹp trai, lãnh chức Thủ Khoa. R. và tôi, cùng nhỏ con như nhau, khiêm nhường chia nhau hạng hai và ba. Chúng tôi được ưu tiên chọn tàu, T. lúc này đã có hai cháu gái kháu khỉnh, chìu ý bà xã chọn Dương Vận Hạm để có thì giờ tiếp tục sản xuất. Hai đứa chúng tôi đành chọn 2 Hộ Tống Hạm HQ 07, 08. Phục vụ gần một năm, chúng tôi được chọn để đi lãnh 2 Hộ Tống Hạm mới HQ 10, 11. Hai chiến hạm này do HQ Thiếu tá Nguyễn văn Ánh và HQ Đại úy Vũ đình Đào chỉ huy. Sau gần 8 tháng huấn luyện và đưa tàu từ Norkfolk qua kênh đào Panama, ghé lại San Diego, Hawai, Guam, chúng tôi trở về quê hương vào tháng 7, 1964. Tiếp tục phục vụ thêm gần một năm nữa, tôi được lệnh thuyên chuyển qua làm Hạm Phó một Hải Vận Hạm. Tưởng là cuộc đời mình dính liền với Hạm Đội thì một hôm, HQ Trung tá Trần bình S. xuống gặp anh em chúng tôi, ngỏ ý tuyển mộ một số Sĩ Quan trẻ có khả năng để phục vụ trên các Khinh Tốc Đỉnh trong các nhiệm vụ đặc biệt. Với máu ưa mạo hiểm sẵn có cũng như niềm ngưỡng mộ đối với hình ảnh hào hùng của cố Tổng Thống Kennedy lúc ông còn là Hạm Trưởng PT 109 trong Đệ Nhị Thế Chiến, chúng tôi chỉ cần có mấy ngày để rời bỏ Hạm Đội để bước vào một thử thách mới. Khóa chúng tôi gồm có 6 người cọng thêm 6 bạn khóa 11 trở thành nhóm Sĩ Quan trẻ đầu tiên của Lực Lượng Hải Tuần.

I. Trang bị

Trước khi nói về các chi tiết hoạt động, tưởng cũng nên nhắc lại trang bị của Lực Lượng. Lực Lượng Hải Tuần được thành lập vào khoảng cuối năm 1963. Trong giai đoạn sơ khởi, được trang bị bằng các chiến đỉnh SWIFT, sau này đổi tên là PCF(Fast PatrolCraft) và chuyển giao cho các Hải Đội Duyên Phòng. Đây là các chiến đỉnh tuần thám nhỏ, trọng tải khoảng 50 tấn, tầm hoạt động chỉ lên đến Đồng Hới, trang bị súng cối 81 ly và đại liên 12,7 ly. Hải Quân Hoa Kỳ còn gởi qua 2 PTF thời Đệ Nhị Thế Chiến. Chúng tôi chỉ xử dụng có mấy chuyến công tác và sau đó phế thải vì các chiến đỉnh này chạy bằng xăng rất nguy hiểm và vận tốc chiến đấu chỉ có 35 gút, tương đương với các chiến đỉnh của Nga và Trung Cộng.

Giữa năm 1965, chúng tôi bắt đầu xử dụng các khinh tốc đỉnh loại NASTY. Đây là loại khinh tốc đỉnh mới nhất thế giới vào thời bấy giờ, do Hải Quân Na Uy và Tây Đức cùng điều nghiên cứu và chế tạo. Chiến đỉnh vỏ bằng gỗ, trọng tải khoảng 120 tấn, được trang bị bằng hai máy NAPIER-DELTIC của Anh, công suất mỗi máy

3000 mã lực, nối thẳng với chân vịt không qua bộ giảm vòng. Radar có tầm hoạt động 50 hải lý và có thể ngóc lên 15 độ để phòng không. Các chiến đỉnh này có thể trang bị để phóng hỏa tiển hải hải, thả mìn, hay các trọng pháo thông thường. Trong nhu cầu chiến trường lúc đó, các chiến đỉnh được trang bị một đại bác 40 ly phía sau lái, hai đại bác 20 ly đôi hai bên đài chỉ huy, khẩu đại bác 40 ly trước mủi được thay thế bằng súng cối 81 ly và đại liên 12,7 ly. Trong những công tác pháo kích bờ, chúng tôi được trang bị thêm hỏa tiển 122 ly. Vận tốc hải hành là 35 gút, vận tốc chiến đấu 55 gút, gần gấp đôi vận tốc của chiến đỉnh loại SHANGHAI mà Hải Quân Bắc Việt xử dụng. Vỏ gỗ được chứng tỏ sự chịu đựng rất tốt ở vận tốc cao cũng như thời tiết xấu. Ngoài ra, nhiều lần bị địch tấn công bằng B40, đạn đi xuyên qua thành tàu, ít gây thương tích cho nhân viên.

Vào giữa năm 1968, chúng tôi nhận được thêm các chiến đỉnh loại OSPREY do Hoa Kỳ chế tạo. Trang bị tương đương, vỏ bằng nhôm, được trang bị máy điều hòa không khí nên đi công tác tiện nghi hơn. Tuy nhiên vỏ bằng nhôm, không chịu được vận tốc cao và thời tiết xấu nên bị nứt sau 6 tháng hoạt động.

II. Năm hoạt động đầu tiên

Ra trình diện Lực Lượng, để bảo toàn hoạt động tối mật của đơn vị, chúng tôi được lệnh xử dụng căn cước với tên giả, tôi chọn tên Nguyễn thái Dương, và đó cũng là tên dùng trong cuốn hồi ký này. Dù sao cái tên giả này cũng giúp cho tôi cảm thấy nhẹ nhàng khi phải nói về cái tôi khá nhiều. Tôi được chỉ định làm Hạm Phó B11 do anh Hiệp khóa 7 chỉ huy. Chúng tôi phải trải qua 3 tháng huấn luyện nhọc nhằn, từ pháo kích bờ, hải chiến tập đội, thả và vớt toán, chiến thuật chống phi cơ, kỹ thuật xét ghe, huấn luyện với các Khu trục hạm Hoa Kỳ để cho họ quen thuộc với kỹ thuật tấn công có thể xảy ra của các khinh tốc đỉnh Bắc Việt, cho đến cách bỏ tàu, đào thoát trên biển. Ngoài ra thời gian huấn luyện này cũng có mục đích loại bớt các anh em chịu sóng không nổi hay đổi ý kiến trước khi chính thức công tác. Các hoạt động huấn luyện phần lớn xảy ra ban đêm vì các chiến đỉnh sẽ phải hoạt động trong vùng địch từ 10 giờ khuya cho đến 5 giờ sáng.

Chúng tôi bắt đầu đi công tác sau đó. Trong giai đoạn này, chúng tôi chỉ hoạt động từ Hà Tỉnh trở xuống. Các hoạt động xét ghe, thả và vớt toán, pháo kích bờ, lấy tin tức tình báo, cũng như các hoạt động tâm lý chiến tương đối còn ít nguy hiểm vì tầm hoạt động gần cũng như hệ thống phòng thủ địch chưa được chặt chẽ.

Mắc cạn tại Mủi Ròn

Vào tháng 12 năm 1965, chúng tôi được lệnh công tác với 3 chiến đỉnh do anh T. làm Phân đội trưởng. Chúng tôi đi vị trí hai và anh K. đi vị trí ba. Qua khỏi Đồng Hới, vì biển động cấp 4,5 và mưa tầm tã, tàu chúng tôi bị hư radar nhưng chúng tôi quyết định tiếp tục công tác. Chiến đỉnh chúng tôi cố gắng bám vào làn sóng sau lái chiếc trước để theo đúng đội hình. Đến vùng hoạt động không thấy bóng dáng của một ngư thuyền nào cả, anh Phân đội trưởng ra lệnh trở về. Trời lại đổ mưa, anh Hiệp ở trên đài chỉ huy còn tôi ở dưới phòng radar. Đang thiu thiu ngủ, thì đột nhiên một tiếng rầm dữ dội, chiến đỉnh như đứng khựng lại, nước tràn vào tung tóe. Một nhân viên hốt hoảng báo cáo: "Hạm Phó, hình như tàu bị mắc cạn". Tôi nhảy lên đài chỉ huy thì trước mặt là một khối núi khổng lồ. Anh Hiệp bình tỉnh nói : " T., tàu bị mắc cạn, toa cố gắng liên lạc thông báo tình trạng cho hai chiếc kia". Sau gần mười phút, chúng tôi bắt liên lạc được với hai tàu bạn và chiến đỉnh của anh Kỳ đang cố gắng xác định và tiến gần đến vị trí chúng tôi. Sau hơn nửa tiếng, tàu anh Kỳ thông báo chỉ còn cách bờ độ 1000 yards và sẵn sàng vớt chúng tôi. Cũng may tại vị trí này không có súng phòng duyên của địch. Sau khi kiểm soát tình trạng nhân viên, biết được có hai nhân viên không biết bơi, anh Hiệp hỏi tôi có thể lội đưa anh em biết bơi ra trước không, còn anh và bốn nhân viên Biệt Hải sẽ ở lại án ngữ và đưa hai nhân viên không biết bơi ra sau. Trong hai năm huấn luyện tại Quân trường, tôi lặn nhiều hơn bơi nhưng ở trong thế chẳng có quyết định gì khác hơn, tôi dẫn anh em thủy thủ đoàn ra trước. Đây là lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng trong cuộc đời hải nghiệp, chúng tôi phải vượt qua những cơn sóng vỗ trong mùa biển động. Trong những phút trực diện giữa cái sống và chết, những hình ảnh thời thơ ấu, người tình hiện ra trong trí óc, tôi đem hết tất cả sinh lực để lội ra. Cuối cùng, sau hơn nửa tiếng, chúng tôi ra được tàu bạn. Tôi dẫn anh em ra trước nhất và là người chót ra đến tàu. Tôi ngất xỉu gần nửa tiếng mới tỉnh lại. Sau đó, anh Hiệp cùng các anh em Biệt Hải dìu hai anh em không biết bơi ra tàu sau khi đặt chất nổ phá hủy chiến đỉnh. Chúng tôi báo cáo ra Đệ Thất Hạm Đội và được lệnh ở lại cho đến khi các phi tuần từ Hàng Không Mẫu Hạm đến phá hủy hoàn toàn không để lại một vết tích nào địch có thể khai thác được.

Sau khi về đến căn cứ, báo cáo cho Bộ Chỉ Huy Hành Quân, được biết khi phân đội gần đến Mủi Ròn, chiến đỉnh chuẩn đổi hướng mà không báo cho chúng tôi biết. Radar bên anh K. còn tốt nên đã đổi hướng kịp. Một số Sĩ Quan đàn anh nghĩ rằng tôi phải chia xẻ trách nhiệm với anh Hiệp trong vụ mắc cạn. Tuy nhiên, với cương vị một cấp chỉ huy và là một đàn anh, anh Hiệp đã khẳng khái nhận hết trách nhiệm và yêu cầu được trở về Hải Quân.

Cho đến bây giờ, mỗi lần nghĩ đến anh, chúng tôi không khỏi thương tiếc và kính phục một người anh trầm lặng, ít nói, ở hết lòng với đàn em.

Anh Bách khóa 9 cùng một số nhân viên mới ra thay thế. Chung tôi lại trải qua lần huấn luyện thứ hai trong hơn hai tháng trước khi đi công tác trở lại. Vào cuối năm 1966, tôi thay thế anh T. trở thành Hạm Trưởng B5 và

một năm sau đó trở thành Phân đội trưởng.

III. Những chiến hữu của tôi

Được xuống nắm B5 là điều may mắn cho tôi vì B5 trong thời gian đó được xem như là một trong những B mạnh nhất của Lực Lượng. Tôi không bao giờ quên được Chuẩn úy Ngà, Hạm Phó, trầm lặng ít nói, luôn luôn chuẩn bị chu đáo cho chiến đỉnh và thủy thủ đoàn sẵn sàng công tác trong khi Hạm Trưởng vẫn còn say sưa đánh xì phé. Một Thượng sĩ Bé, Quản nội trưởng, lái tàu trong lúc chiến đấu mà không đợi Hạm Trưởng ra lệnh. Một Thượng sĩ Diềm, Cơ khí trưởng, bảo trì máy ít bao giờ hư, bị thương vì lên tiếp tế đạn cho anh em. Một Thượng sĩ Sô, Điện tử, biết tất cả các bệnh của Radar. Người em mà tôi thương nhất là Trung sĩ TP Thạch. Trẻ tuổi, đẹp trai, lại có ít tiền rủng rỉnh trong túi, vào bar các em mê như điếu đổ. Trước giờ công tác, dù có say đi mấy cũng lo chùi khẩu 20 ly sẵn sàng tác chiến.

IV. Hệ thống Phòng thủ Duyên hải Bắc Việt

Trong cuộc chiến Việt Nam, hệ thống phòng không, cọng thêm với hệ thống phòng thủ duyên hải của Bắc Việt, có thể nói là hệ thống phòng thủ hữu hiệu nhất thế giới vào thời bấy giờ. Bài viết này chỉ dựa vào những sự hiểu biết trong 5 năm hoạt động tại duyên hải Bắc Việt.

Các ghe võ trang

Các ghe đánh cá miền Bắc đều được tổ chức thành tổ tam-tam: Cứ ba ghe là một ghe có công an vũ trang hay không vũ trang kiểm soát. Sau vài lần xét ghe, chúng tôi phân biệt dễ dàng ghe có hay không có công an. Cứ bắt các ngư phủ lên cho họ ăn Ration C. Anh nào ăn thỏa mái là ghe dân thường. Anh nào lấm la lấm lét là ghe có công an. Bắt về Cù Lao Chàm là khai thác được khá nhiều tin chính xác. Cuộc chiến gia tăng, Bộ Chỉ Huy Phòng Duyên Bắc Việt cố gắng bằng mọi giá để gây thiệt hại cho các chiến đỉnh của ta. Tin tình báo cho biết họ đã điều nghiên được thói quen của các chiến đỉnh là hay xét ghe ngang hông đúng ngay vị trí của hầm máy; do đó họ bắt đầu tổ chức các ghe cảm tử trang bị mìn nổ chậm để cùng nổ phá hủy ghe và chiến đỉnh ta. Các thủy thủ đoàn được tái huấn luyện về kỹ thuật xét ghe. Chiến đỉnh xét ghe được lệnh chạy chung quanh ghe với tốc độ cao để các ghe bị chòng chành không ngắm bắn chính xác được đồng thời cho tác xạ trên đầu ghe nếu cần để xem phản ứng địch như thế nào. Khi không thấy gì thì cho xét ghe từ phía mủi, thả một Biệt Hải xuống trước để lượng định tình hình trước khi thả Biệt Hải thứ hai.

Tôi còn nhớ trong một chuyến công tác xét ghe thường lệ, sau khi ra lệnh cho các dân chài đứng lên theo tư thế đầu hàng, tôi ra lệnh cho một Biệt Hải xuống xét ghe. Đột nhiên một loạt súng nổ từ trong khoang ghe bắn ngã nhân viên Biệt Hải và nhiều loạt súng khác hướng về chiến đỉnh. Như một phản ứng tự nhiên, tôi ra lệnh cho chiến đỉnh lùi hết tốc độ kéo lật ghe địch, và các xạ thủ 20 ly và 12,7 ly khai hỏa ngay lập tức. Sau độ mười phút, tôi cho lệnh ngưng bắn và đến gần xác thuyền địch để kiểm soát kết quả. Điều ngạc nhiên là vẫn còn một địch quân còn sống bám trên ván thuyền. Tôi cho lệnh vớt lên, tuy nhiên vì hành động khả nghi của người này, các nhân viên Biệt Hải đã nổ súng trước. Về thuyết trình tại hậu cứ, tôi bị xài xể vì đã đánh mất một nguồn tình báo tốt. Tôi chỉ cười trừ nhận lỗi, ngồi họp hành quân ở hậu cứ dễ dàng hơn quyết định ngoài mặt trận.

Điều làm cho chúng tôi nể nhất là sự tuyên truyền nhồi sọ tinh vi cũng như sự dễ tin của dân chúng Bắc Việt. Một số dân chài bị bắt lên chiến đỉnh đã cố gõ vào thành tàu. Được hỏi tại sao, họ nói rằng họ được tuyên truyền là các tàu địch đều làm bằng giấy, quân ta chỉ cần dùng súng trường là bắn chìm tàu địch như chơi.

Chạm trán với các chiến đỉnh Hải Quân Bắc Việt

Trong hồi ký này, tôi không đề cập đến đoàn xâm nhập của Hải Quân Bắc Việt vì ngoài phạm vi hoạt động của chúng tôi. Dựa vào tin tình báo, chúng tôi được biết Hải Quân Bắc Việt có khoảng từ 4 đến 8 chiếc KOMAR trang bị hỏa tiễn hải hải có khả năng tấn công các Khu Trục Hạm Hoa Kỳ. Trong khi các chiến hạm của Đệ Thất Hạm Đội chỉ hoạt động cách bờ tối thiểu 12 hải lý và sự hiện diện hàng đêm của các chiến đỉnh chúng tôi, các Komar của Bắc Việt hầu như án binh bất động trong suốt cuộc chiến. Lực lượng chính yếu của Hải Quân Bắc Việt là các chiến đỉnh thuộc loại SHANGHAI do Trung Cộng chế tạo. Các chiến đỉnh này nặng khoảng 120 tấn, trang bị đại bác 37 và 25 ly, vận tốc chiến đấu khoảng 30- 35 gút. Dựa theo tin tức tình báo, chúng tôi được biết các chiến đỉnh này được phân tán mỏng từ Thanh Hóa, Nghệ An, Đồng Hới và ngụy trang kỹ càng để tránh bị các phi cơ Mỹ oanh tạc. Tuy nhiên vì nằm bờ nhiều quá, các thủy thủ đoàn Hải Quân Bắc Việt đều thiếu khả năng chịu sóng cũng như chiến đấu.

Trong suốt 5 năm hoạt động, chúng tôi chỉ có chạm trán với các chiến đỉnh này một lần vào đầu năm 1968. Trong một chuyến công tác do anh Hùng khóa 9 làm Phân đội trưởng, tôi đi vị trí hai, H. khóa tôi đi vị trí ba. Trên đường về gần đến Mủi Đào phía bắc Đồng Hới khoảng 3 giờ sáng, radar phát hiện 3 đối vật từ trong bờ đang tiến đến gần chúng tôi với vận tốc cao. Lập tức anh Hùng báo cáo ra Đệ Thất Hạm Đội, cho phân đội vào đội hình chiến đấu và tăng tốc độ lên 55 gút. Theo đúng chiến thuật Hải Quân, chúng tôi cố gắng vận chuyển vào đầu chữ T để các khẩu trọng pháo có thể đồng loạt khai hỏa về phía hữu hạm. Địch cũng cố gắng chiếm

thế thượng phong. Cuối cùng hai bên ở thế cài răng lược. Địch khai hỏa trước, còn chúng tôi chỉ bắt đầu tác xạ khi còn cách độ 1000 yards.

Trong cuộc giao tranh ngắn ngủi, chiến đỉnh của anh Hùng bị trúng đạn hư hại nhẹ, một số nhân viên bị thương. Hai chiếc chúng tôi hộ tống chiến đỉnh bạn trở về hậu cứ an toàn. Trong những ngày sau đó, tin tình báo cho biết Lực lượng địch bị thiệt hại khá nặng vì họ khai hỏa quá sớm lại tập trung hỏa lực vào chiếc anh Hùng nên bị hai chiến đỉnh của tôi và H. bắn trúng.

Các cuộc tấn công của Không Quân Bắc Việt

Vào cuối năm 1967, khi chiến dịch phong tỏa vịnh Bắc Việt leo thang, chúng tôi nới rộng khu vực hoạt động lên đến Thanh Hóa vì tin tình báo cho biết Không Quân Bắc Việt đang chuẩn bị tấn công chúng tôi, tuy nhiên chúng tôi không nắm vững được là họ sẽ xử dụng loại phi cơ nào. Tất cả chiến đỉnh đều được thao dượt thêm về đội hình kim cương chống phi cơ địch.

Trong một chuyến công tác vào đầu năm 1968, phân đội chúng tôi do anh Tiêu khóa 7 chỉ huy, tôi đang ở vị trí ba. Đang ở trong vùng hoạt động thì được tin khẩn từ Đệ Thất Hạm Đội cho biết phi cơ địch đang tiến về chúng tôi. Lập tức anh Tiêu cho đổi hướng 120o, khai triển đội hình phòng không và tăng tốc độ tối đa. Khoảng 15 phút sau, chúng tôi phát hiện phi cơ địch trên màn ảnh radar còn cách 3 hải lý. Đột nhiên cả bầu trời rực sáng, gần chục trái hỏa châu thả trên đầu chúng tôi. Hai chiếc đầu tập trung hỏa lực bắn vào phi cơ thả hỏa châu, thì nhân viên radar cho biết còn một phi cơ địch sau lái chỉ cách 2000 yards. Tôi cho lệnh khai hỏa, bắn rải từ 20o cho đến 45o thì cùng một lúc phi cơ địch phóng xuống khoảng 8 đến 10 hỏa tiễn. Một hỏa tiễn nổ tung phía sau lái. Báo cáo thiệt hại cho biết Trung sĩ Long, trưởng khẩu trọng pháo 40 ly bị tử thương, 3 nhân viên bị thương trong đó có Thượng sĩ Diềm, Cơ khí trưởng. Thay vì ở hầm máy, Thượng sĩ Diềm đã lên phụ tiếp đạn cho khẩu 40 ly và bị trúng mảnh ở vai. Chiến đỉnh chỉ bị hư hại nhẹ và phân đội trở về hậu cứ an toàn.

Tin tức tình báo sau đó cho biết Không Quân Bắc Việt đã xử dụng loại phi cơ thám thính AN-2 được cải biến, trang bị hai dàn phóng rocket, đi thành phi tuần 3,4 chiếc để tấn công chúng tôi. Chiếc đầu có nhiệm vụ thả hỏa châu và đánh lạc hướng trong khi các chiếc còn lại có nhiệm vụ tấn công. Họ không dùng phi cơ MIG vì chúng tôi hoạt động ban đêm và họ cũng sợ bị phi cơ Mỹ bắn hạ. Những chuyến công tác kế tiếp rất là căng thẳng. Chúng tôi bị phi cơ địch tấn công gần 3 tháng liên tiếp và chịu một số thiệt hại đáng kể.

Rút kinh nghiệm những lần bị tấn công đầu tiên, trong những chuyến công tác kế tiếp, chúng tôi áp dụng chiến thuật giống như phòng không Bắc Việt. Thay vì đợi đến khi thấy phi cơ địch mới khai hỏa, chúng tôi ra lệnh bắn theo lối trăm hoa đua nở khi phi cơ địch còn cách 2,3 hải lý. Quả nhiên các anh chàng phi công Bắc Việt cũng lạnh cẳng, phóng hỏa tiễn xuống cho có lệ, chẳng trúng ai, mọi người đều vui vẻ. Trong những chuyến sau đó, chúng tôi lại áp dụng thêm chiến thuật dĩ hòa vi quý. Mỗi lần được tin có phi cơ địch, anh Phân đội trưởng ra lệnh cho các chiến đỉnh tăng tốc độ tối đa, tự do vận chuyển zigzag ra điểm hẹn cách bờ độ 20-30 hải lý. Quả nhiên hệ thống radar và phi cơ địch không biết đường nào mà rờ và các cuộc tấn công của các phi cơ Bắc Việt chấm dứt sau đó vì không còn hiệu quả nữa. Ngoài ra tin từ Đệ Thất Hạm Đội cho biết một số phi cơ BắcViệt đã bị phi cơ Hoa Kỳ bắn rơi.

Trọng pháo Phòng duyên Bắc Việt

Cùng với hệ thống phòng không, hệ thống trọng pháo phòng duyên Bắc Việt có thể nói là hữu hiệu nhất thế giới thời bấy giờ. Trang bị từ các khẩu 25 ly, 37 ly, cho đến các đại bác phòng duyên lớn nhất 130 ly với tầm bắn 12 hải lý. Hình ảnh không thám cho thấy mỗi phân đội gồm 4 khẩu, nhiều nơi trọng yếu như cửa biển hay các mủi có đến 8 phân đội. Các khẩu trọng pháo phòng duyên được di chuyển liên tục để tránh oanh tạc của phi cơ Hoa Kỳ. Tại các điểm trọng yếu, trọng pháo được đặt trong các hàm ếch đào sâu vào trong núi, có đường rầy xe lửa kéo ra khi tác xạ, khi có báo động phi cơ Mỹ lại kéo vào trong núi. Các hệ thống hàm ếch này rất hữu hiệu trong vấn đề chống phi cơ oanh tạc. Mỗi phân đội bắn đạn xuyên phá thành hình vuông cách nhau một hai trăm thước. Ngoài ra Bắc Việt còn được trang bị các đèn rọi cực mạnh. Một vài lần đi công tác vào sát bờ độ 1000 yards, bị rọi trúng rát cả mặt, chạy tóe khói. Các Khu trục hạm Hoa Kỳ ít khi dám vào gần bờ dưới 12 hải lý. Có một vài chiếc vào thử là lãnh đạn ngay.

Đối với chúng tôi, nhờ tàu nhỏ, vận tốc nhanh, và súng 81 ly được trang bị loại đạn bắn mảnh nhôm để radar địch không tìm được vị trí chính xác của chúng tôi, trọng pháo phòng duyên Bắc Việt không gây được tổn thất đáng kể cho Lực lượng. Có một thời gian sau, chúng tôi cũng có nhiều nhân viên bị thương.

V. Những kỷ niệm vui buồn

Cái chết của anh Chuyên và anh Phong

Như trình bày ở phần trên, trong chuyến công tác với anh Tiêu, chúng tôi bị thiệt mất một đồng đội. Sau khi đưa xác anh về Vỉnh Long, về Bộ Tư Lệnh lấy máy bay ra Đà Nẳng, chúng tôi sửng sốt nghe tin anh Chuyên, anh Phong, và một số chiến hữu bị tử trận. Tôi tự nghĩ trong lòng là hai anh lại bị phi cơ địch tấn công. Đến khi về đến Đà Nẳng mới được biết hai anh mất vì bị một chiến đỉnh ta bắn nhầm. Chiến đỉnh do một người bạn cùng khóa tôi chỉ huy, được lệnh xét ghe sau khi bị trọng pháo phòng duyên địch bắn tới tấp trong lúc thám sát gần bờ, đã nhìn lộn chiến đỉnh chỉ huy thành ghe địch, ra lệnh tác xạ trong lúc chưa lấy được bình tỉnh. Loạt

đạn đầu trúng ngay đài chỉ huy. Anh bạn tôi nghe được những tiếng la hét trên máy vô tuyến, cho lệnh ngưng bắn thì đã muộn. Sau này hồi tưởng lại, tôi luôn luôn tin ở số mệnh. Anh Tiêu rất giỏi về dịch lý. Anh rất thích tôi và anh nói tử vi của anh và tôi rất hợp nhau. Đúng ra, anh Phong đi thực tập với anh Tiêu trong chuyến chúng tôi, nhưng anh Tiêu coi dịch lý nói số anh Phong xấu lắm. Anh Chuyên giận bảo anh Phong: " Mày đi chuyến sau với tao, đi với cha Tiêu làm gì" và chuyến công tác định mệnh đã kết thúc một cách đau lòng. Mất hai anh cũng là sự mất mát lớn nhất của Lực lượng trong tám năm hoạt động vùng biển địch.

Công tác thả và vớt toán: Người Nhái, Biệt Hải, và Biệt Kích Nùng.

Thả và vớt người Nhái: Chưa có tài liệu.

Các toán Biệt Hải và Biệt Kích Nùng hoạt động khác nhau. Trong khi các Biệt Hải chỉ hoạt động trong đêm, chúng tôi có nhiệm vụ yểm trợ và vớt họ sau khi hoàn thành công tác hay bị lộ phải chạm trán với địch. Còn các Biệt Kích Nùng, chúng tôi chỉ có nhiệm vụ thả, hoạt động của họ chúng tôi không được biết.

Đây là những chuyến công tác mà chúng tôi ngán nhất vì phải vào sát bờ không quá 1000 yards. Trong hai năm đầu tiên, công tác thả và vớt toán tương đối dễ dàng và có kết quả. Nhưng càng ngày hệ thống phòng thủ địch càng chặt chẽ, các toán Biệt Hải vừa mới đến bờ là bị lộ liền, chúng tôi phải liều vào để vớt họ. May mắn thì không trúng các vị trí súng phòng duyên của địch. Nhiều khi trúng ngay ổ kiến lửa, pháo địch chụp như mưa, cũng may nhờ trời độ nên ít khi bị thiệt hại.

Về các hoạt động của các Biệt Kích Nùng, cho đến bây giờ chúng tôi cũng không hiểu được ý định của Bộ Chỉ Huy Hành Quân khi quyết định thả họ. Hệ thống phòng thủ cũng như tình báo nhân dân của Bắc Việt rất là chặt chẽ. Hầu hết các Biệt Kích Nùng vừa mới lên bờ đều bị bắt hết. Có lẽ các giới chức có trách nhiệm chỉ huy đã đánh giá sai khả năng phòng thủ của địch, thả mồi trước miệng cọp.

Tôi còn nhớ trong một công tác thả 4 Biệt Kích Nùng tại Nghệ An, trong gần một tháng chúng tôi không thả được vì nhiều lý do khác nhau. Cuối cùng chúng tôi phải xử dụng đến 6 chiếc, 4 chiếc hoạt động ở vùng trên và dưới để đánh lạc hướng địch trong khi tôi có nhiệm vụ thả cách bờ chưa đầy 1000 yards. Nhìn nét mặt khắc khổ và đăm chiêu của họ, tôi không khỏi ái ngại cho thân phận những người chiến sĩ chấp nhận công tác mà chẳng thấy ngày về. Hai hôm sau, đài Hà Nột huyên hoang tuyên bố đã bắt được các Biệt Kích miền Nam trong khu vực chúng tôi vừa thả.

Các cuộc vận động gần đây của Quốc Hội Hoa Kỳ trong việc chấp nhận cho họ định cư tại Hoa Kỳ cũng như bồi thường cho những sự hy sinh và thiệt thòi trong những năm bị giam cầm tại miền Bắc hy vọng xóa bớt đôi chút những sai lầm chiến thuật trong cuộc chiến.

Công tác pháo kích bờ

Các công tác pháo kích bờ cũng đứng tim như các công tác thả và vớt toán. Chúng tôi phải vào sát bờ độ 1000 yards để bắn phá các đơn vị quân sự miền Bắc dọc theo duyên hải. Trong những năm đầu, chúng tôi chỉ dùng trọng pháo cơ hữu như 81 ly, 40 ly. Sau này, chúng tôi được trang bị thêm các hỏa tiễn 122 ly có tầm phóng xa hơn.

Nhiều khi phòng Hành Quân thuyết trình là khu vực pháo kích không có súng phòng duyên của địch, đến khi vào là trúng ngay ổ kiến lửa, bị pháo như mưa, chạy không kịp thở. Thật ra các công tác pháo kích bờ chỉ nhắm mục đích làm cho các đơn vị địch phải ở trong tình trạng ứng chiến liên tục, mất ăn mất ngủ trong suốt 8 năm trời.

Công tác tâm lý chiến

Đây là các công tác khỏe nhất của chúng tôi. Lúc đầu chúng tôi thả các radio transistor nhỏ dọc theo các làng duyên hải để dân chúng nghe các đài của miền Nam như đài Tiếng Nói Tự Do, mẹ Việt Nam, Gươm Thiêng Ái Quốc. Trong nhiều chuyến công tác khác, chúng tôi bắt dân chài lên, cho họ ăn uống no nê rồi thả về. Đây là những dịp vui vẻ mà dân chài miền Bắc thoải mái thưởng thức những món ăn của đế quốc Mỹ.

Trong năm 1967, chúng tôi thi hành một kế hoạch tâm lý chiến đặc biệt. Trong gần 3 tháng, chúng tôi bắt hơn 300 ngư dân từ Đồng Hới lên đến Thanh Hóa, cứ mỗi xã bắt hai người. Bắt về Cù lao Chàm, nuôi họ mỗi ngày nửa con gà. Sau ba tháng anh nào anh nấy mập ú, da dẻ hồng hào. Chúng tôi thả họ về nguyên quán sau đó để xem phản ứng của dân chúng cũng như chính quyền miền Bắc như thế nào. Quả như chúng tôi nghĩ, trong 6 tháng sau, chúng tôi cố gắng bắt lại vài ngư phủ này để khai thác nhưng chẳng tìm được người nào. Đến gần 9 tháng mới tóm được một chú, anh ta than thở: " Mấy ông hại tui. Khi mấy ông thả tui về, chính quyền địa phương thấy tụi tui mập quá, đem nhốt cải tạo tư tưởng, đến bây giờ mới cho về." Điều này cho thấy sự cực khổ của miền Bắc cũng như tâm lý đơn giản của mọi người dân. Họ chỉ mong được sống thanh bình, ăn no mặc đủ.

Huấn luyện DD-PTF

Các Khu trục hạm Hoa Kỳ trước khi vào hoạt động tại vịnh Bắc Việt đều được thực tập để chống trả các cuộc tấn công có thể xảy ra của các khinh tốc đỉnh Bắc Việt. Chúng tôi giả dạng như là các chiến đỉnh địch, với vận tốc tối đa, cố gắng tiến gần đến các Khu trục hạm Hoa Kỳ trong khi họ cũng tăng tốc độ tối đa, cố gắng tránh né và hướng dẫn phi cơ bạn tìm ra chúng tôi. Nếu chúng tôi đến gần được 1000 yards mà không bị rọi đèn trúng là Khu trục hạm Hoa Kỳ xem như bị thua. Đây là một trong những chuyến huấn luyện cực nhọc nhất. Mỗi

lần về đến căn cứ là phừ người nhất là những lúc thời tiết xấu.

Cũng cần nói thêm là các khinh tốc đỉnh, khi lướt sóng với vận tốc chiến đấu, chỉ có 1/3 thân tàu là ở dưới mặt nước, tàu nhảy như ngựa mà chúng tôi nói đùa là cao bồi cởi ngựa chứ không phải là lái tàu. Nạn nhân đầu tiên của những chuyến cởi ngựa này là anh L. khóa 8. Sau hơn hai năm hoạt động, anh bị xệ. Bác sĩ bảo anh phải trở về Hải Quân nếu muốn giữ gìn dòng giống cho gia đình. Dù rất thương yêu anh em, anh phải từ giã chúng tôi sau đó.

Bắn phi cơ Hoa Kỳ

Tiêu lệnh hành quân là qua khỏi vĩ tuyến 17, không phận với bán kính 1 hải lý xung quanh chúng tôi là khu vực không có một phi cơ nào được xâm nhập. Các phi công từ Đệ Thất Hạm Đội cũng như các căn cứ tại Thái Lan đều được thuyết trình rõ ràng về hoạt động của chúng tôi khi họ thi hành các phi vụ dọc theo duyên hải Bắc Việt.

Trong một chuyến công tác tại Đồng Hới, chúng tôi phát hiện một phi cơ Phantom F-4 bay vòng vòng xung quanh chúng tôi, cuối cùng như có ý định tấn công. Bắt buộc chúng tôi phải đổi qua đội hình phòng không và tăng tốc độ chiến đấu đồng thời báo cáo ra Đệ Thất Hạm Đội. Có lẽ tưởng lầm chúng tôi là các chiến đỉnh Bắc Việt, phi công Hoa Kỳ bắt đầu chúi mủi tấn công chúng tôi bằng rocket. Chúng tôi ra lệnh bắn trả và đang từ vận tốc 55 gút, giật máy xuống còn số không, quả nhiên các rocket rơi trước mủi mấy trăm thước. Sau này tụi tôi nói đùa với nhau là không lo khi phải đánh nhau với các phi công giỏi. Chỉ ngại gặp mấy cha phi công dở, có khi lãnh đủ.

Về thuyết trình tại hậu cứ, chúng tôi được biết anh chàng phi công này mới được thuyên chuyển từ Hoa Kỳ sang Việt Nam và vừa mới bay trên không phận Bắc Việt được mấy chuyến. Phi cơ cũng bị trúng đạn hư hại nhẹ.

Mặt trận Gươm Thiêng Ái Quốc

Khoảng 1968, chúng tôi được lệnh treo cờ mặt trận Gươm Thiêng Ái Quốc mỗi khi qua khỏi vĩ tuyến 17. Cờ đỏ với một thanh gươm chỉa ngược ở giữa một bức thành. Ngó xa giống cờ Việt Cộng mà chúng tôi gọi đùa là cờ MACV vì khá giống huy hiệu của các cố vấn MACV Hoa Kỳ. Trong vài chuyến công tác ban ngày, khi phi cơ Mỹ bay gần, tụi tôi cho kéo cờ này xuống gấp, nhở mấy ông tưởng lộn là cờ đỏ sao vàng, bắn nhau thêm phiền phức.

Các anh em chiến hữu được huấn luyện xử dụng danh xưng này khi tiếp xúc với các ngư phủ miền Bắc. Tuy nhiên trong vài lần công tác, chạm súng với địch, bắt lên tàu, các anh em đ.m. lia khiến tôi phải bật cười bảo anh em cố gắng nói giọng Bắc cho đúng tư cách cán bộ mặt trận.

Hai chiến hữu đặc biệt

Lực Lượng Hải Tuần có lẽ là đơn vị độc nhất của Quân Lực VNCH mà trong 8 năm chiến đấu trong lòng địch không có một cố vấn Mỹ nào đi theo. Các cố vấn thuộc NAD (Naval Advisory Detachment) chỉ có nhiệm vụ yểm trợ, tình báo, tiếp vận và sửa chửa tàu. Tình cảm của họ đối với chúng tôi rất là sâu đậm. Trong những chuyến công tác mà chúng tôi bị thương vong, tất cả mọi người đều đứng đợi ở cầu tàu. Hầu hết không cầm được nước mắt khi thấy chúng tôi đưa tử thi những đồng đội xuống tàu. Đôi khi một vài Sĩ Quan hay Hạ Sĩ Quan Mỹ nói đùa thế nào họ cũng đi công tác với chúng tôi một lần. Không ngờ nói chơi mà hóa thật. Trong một chuyến công tác do anh Hản làm Phân đội trưởng, tôi đi vị trí hai. Vừa qua khỏi vĩ tuyến 17 thì đột nhiên có hai anh chàng Hạ Sĩ Quan Trọng pháo Mỹ từ hầm tàu bước lên, mặt mày hớn hở tình nguyện đặt dưới quyền chỉ huy của tôi trong công tác này. Tá hỏa, tôi báo cáo cho anh Hản xin quyết định. Anh Hản báo cáo ngay về phòng hành quân, chỉ 10 phút sau, lệnh khẩn cấp yêu cầu phân đội trở về hậu cứ ngay lập tức.

Vừa đến cầu tàu là đã thấy xe bít bùng chở hai ông bạn Mỹ thích phiêu lưu lên phi trường về nước ngay lập tức. Bị cự nự quá trời, tôi chỉ biết chống chế là chỉ kiểm soát chiến đỉnh về tình trạng sẵn sàng chiến đấu, đâu có ngờ hai anh cố vấn Mỹ trốn dưới hầm tàu. Cũng vui là chuyện này chỉ xảy ra có một lần.

Cồn Cỏ anh hùng

Trên vĩ tuyến 17, ngoài khơi Vỉnh Linh độ 30 hải lý là một hòn đảo nhỏ mà suốt ngày đài Hà Nội tuyên dương là cồn Cỏ anh hùng, tuyến đầu của tổ quốc. Nơi đây có một đơn vị của Hải Quân Bắc Việt trú đóng và cũng có trang bị một số súng phòng duyên. Chỉ tội cho các đồng chí cán binh phải ở trong tình trạng ứng chiến tháng này qua tháng nọ. Các chiến đỉnh mỗi khi đi công tác về đều được lệnh tặng vài quả đạn vào đảo để các đồng chí tỉnh ngủ. Các phi cơ Hoa Kỳ cũng dùng đảo này là nơi trút hết bom đạn rước khi về căn cứ.

Đánh bài

Nói về Lực Lượng Hải Tuần mà không nói đến đánh bài là một sự thiếu sót lớn. Một tuần chỉ đi công tác có một lần, ngoài những lúc huấn luyện, thì giờ còn lại chẳng biết làm gì ngoài việc đánh bài. Hầu như phần lớn các anh em là cao thủ xì phé.

Sau mấy năm hoạt động, B. nào cũng có vài anh em hy sinh. Các bạn bè thuộc các đơn vị khác khi đến thăm chúng tôi đều thấy con xì bích trên mỗi bàn thờ. Có lẽ đây là nét đặc thù của các chiến hữu trong Lực Lượng để tưởng nhớ các anh em đã hy sinh.

VI. Những chuyến công tác đặc biệt

Trận hải chiến với xà lan cảm tử địch ngày 4/8/68

Ngày 3/8/68, tôi được chỉ định làm Phân đội trưởng trong một công tác giữa Thanh Hóa và Nghệ An. H. khóa tôi đi vị trí hai và H. khóa 12 đi vị trí ba. Sau khi hoạt động trong đêm không có gì đặc biệt, ba chiến đỉnh trở về căn cứ. Vào khoảng 9 giờ sáng, radar phát hiện 3 đối vật khá lớn cách bờ khoảng 12 hải lý. Tôi ra lệnh cho phân đội vào nhiệm sở tác chiến, sẵn sàng xét ghe. Kinh nghiệm chiến đấu cho tôi có linh cảm khác thường đối với 3 ghe này vì cách bờ khá xa, không có ghe khác xung quanh. Chúng tôi luôn luôn cảnh giác vì tin tình báo cho biết các phân đội ghe cảm tử của Bắc Việt đang cố gắng đánh chìm một vài chiến đỉnh của ta để nâng cao tinh thần của các cán binh địch. Còn cách các ghe này khoảng 2000 yards, qua ống nhòm, chúng tôi quan sát thấy các ghe này lớn hơn ghe thường, dàn hàng ngang như ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Tôi ra lệnh phân đội tăng vận tốc chiến đấu, chạy chung quanh các ghe này 1000 yards khoảng 3 vòng để các ghe địch bị chòng chành không thể nhắm chính xác vào chiến đỉnh ta được. Xạ thủ 20 ly được lệnh bắn vài loạt chỉ thiên để thăm dò phản ứng địch. Quả nhiên các ghe địch, có lẽ nghĩ rằng đã bị lộ, bắt đầu khai hỏa vào chúng tôi bằng tất cả hỏa lực nặng nhẹ.

Cuộc giao tranh xảy ra trong nửa tiếng thì địch im tiếng súng, hai ghe bị chìm, còn hai chiếc nằm bất động. Tội ra lệnh cho H. vào xét chiếc thứ hai. Có lẽ còn không được bình tỉnh lắm, H. dụ dự chưa muốn thi hành lệnh, tôi đích thân vào xét chiếc thứ nhất. Đến gần thì phát hiện đây là một xà lan gắn máy ngụy trang như là ghe đánh cá trang bị hai súng đại bác không giật và một số súng đại liên, tử thi địch vẫn còn nằm vương vãi trên ghe. Tôi cho Biệt Hải xuống để gỡ một súng không giật đem về. Hùng thấy tôi đã vào xét chiếc thứ nhất cũng cho tàu vào xét chiếc thứ hai. Trong lúc chúng tôi đang đem chiến lợi phẩm lên tàu thì một tiếng nổ lớn bên ghe H. đang xét đồng thời pháo phòng duyên địch bắt đầu bắn tới tấp ra chúng tôi. Thì ra địch đã gài mìn nổ chậm trước khi bị tiêu diệt để cố gắng gây thương vong cho chúng tôi. H. báo cáo 4 nhân viên xét ghe đều bị tử thương. Tôi giận dữ khiển trách H. trên máy. Có lẽ nếu H. xét ghe sớm hơn thì thiệt hại nhân mạng có lẽ không xảy ra. Chúng tôi liên lạc với Đệ Thất Hạm Đội để di tản các chiến hữu thiệt mạng về hậu cứ đồng thời để tiếp tế đạn dược. Trong trận giao tranh này, chúng tôi xử dụng gần hết đạn dược.

Về căn cứ thuyết trình, chúng tôi được biết vũ khí tịch thu được là loại 85 ly không giật lần đầu tiên tịch thu được trên chiến trường Việt Nam. Tin tình báo sau đó cho biết đây là một phân đội xà lan gắn máy cảm tử của Bắc Việt được trang bị súng không giật và mìn nổ chậm để cố đánh chìm các chiến đỉnh chúng tôi.

Sau trận này, tôi được trao tặng Anh Dũng Bội Tinh với nhành dương liễu và Bronze Star với Combat "V" từ Hải Quân Hoa Kỳ.

Chuyến công tác xa nhất: Hải Phòng

Cho đến gần cuối năm 68, chúng tôi chỉ đi xa nhất là Thanh Hóa. Vào tháng 11, bốn thủy thủ đoàn được chỉ định để đi công tác Hải Phòng. Anh Hản làm Phân đội trưởng, anh Hùng đi vị trí hai, tôi đi vị trí ba. H. khóa tôi đi vị trí tư. Trong suốt một tháng, chúng tôi được huấn luyện gắt gao về hải chiến, phòng không, cũng như phối hợp không yểm với phi cơ Đệ Thất Hạm Đội. Chúng tôi được bảo đảm có không yểm liên tục trong vùng tam giác Bạch Long Vỷ, Hải Phòng, Thanh Hóa. Sau hai lần bị đình hoãn vì lý do thời tiết, cuối cùng chúng tôi được lệnh công tác vào cuối tháng 12, 1968.

Chúng tôi khởi hành từ 8 giờ sáng, trực chỉ đảo Hải Nam. Tất cả các chiến đỉnh đều phải trang bị thêm các bình nhiên liệu phụ vì chuyến đi quá xa. Còn cách đảo Hải Nam khoảng 50 hải lý vào bốn giờ chiều, chúng tôi đổi hướng lên đảo Bạch Long Vỷ. Đến gần đảo này thì chiến đỉnh H. hư một máy. Sau khi hội ý với anh em, anh Hản quyết định để anh Hùng hộ tống H. về căn cứ còn chúng tôi vẫn tiếp tục công tác. Thấy được đảo Bạch Long Vỷ trong radar, chúng tôi đổi hướng vào Hải Phòng. Đến gần Hải Phòng, chúng tôi bắt đầu liên lạc được với các phi cơ Hoa Kỳ. Theo đúng quy luật không yểm, họ bật đèn chớp tắt và tránh xa bán kính tác xạ của chúng tôi. Đến nửa khuya chúng tôi đã thấy hòn Gay và chỉ cách phao ngoài cùng của hải cảng Hải Phòng có vài hải lý. Chúng tôi xét một vài ngư thuyền mà không thấy phản ứng của Hải Không Quân Bắc Việt. Trên đường về, chúng tôi phát hiện thêm một số ghe do thám ngụy trang như là ghe đánh cá của Trung Cộng. Xét các ghe này không gặp phản ứng gì, chúng tôi trở về căn cứ theo đúng lịch trình.

Ngày hôm sau, đài Hà Nội la hoảng, hăm dọa nếu chúng tôi lên Hải Phòng lần thứ hai là không có ngày trở về. Tuy nhiên chuyến này là chuyến đi Hải Phòng độc nhất của chúng tôi. Sau đó vì những lý do mà chúng tôi không được biết, chúng tôi lại giới hạn khu vực hoạt động cao nhất là vĩ tuyến 20.

VII. Năm cuối cùng với Lực Lượng

Sau hơn bốn năm hoạt động trong vùng địch, các anh hùng đều thấm mệt. Như là lời giao ước ngầm, các Phân đội trưởng quyết định chỉ chạm địch mỗi tháng một lần. Mặc cho phòng Hành Quân vẽ hưu vẽ vượn, đường ta ta cứ đi. Các Hạm Trưởng đàn em vui vẻ tán thành, xét ghe nhiều quá cũng teo chim.

Cuối năm 1967, ông già tôi vào thăm. Ông bị yếu phổi từ lâu, ông không biết được tôi đang thi hành công tác ở miền Bắc. Ông ngỏ ý muốn tôi lập gia đình trước khi ông mất vì tôi là con trai trưởng trong gia đình và sức khỏe ông càng ngày càng yếu. Ông cũng biết được tôi đang có hai người bạn gái. Một người là em gái của

người bạn cùng khóa và cùng đang phục vụ tại Lực Lượng. Tôi yêu nàng tha thiết và đã có lần ngỏ ý với bạn tôi đề nghị với nàng và gia đình về ý định hôn nhân. Nhưng nàng từ Phan Thiết vào Sài Gòn học, như một con chim non không có chỗ nương tựa, lại muốn khám phá một chân trời mới đầy bất trắc và cạm bẩy. H. cũng không thuyết phục được người em gái của mình. Tôi chỉ đành cầu mong cho nàng được may mắn thực hiện được mộng ước của mình. Ở Đà Nẳng tôi quen T., nàng đang học Đệ Nhất Phan Chu Trinh. Nàng đến với tôi với tất cả chân tình của người con gái và nàng cũng biết được mối tình tôi đối với P. Tôi cũng không hiểu được tình cảm của tôi lúc đó như thế nào. Ông già tôi nói nếu tôi không có ý định lập gia đình với một trong hai người bạn gái thì ông sẽ giới thiệu cho tôi một người khác. Tưởng ông nói đùa không ngờ một tháng sau ông bảo tôi ra Huế xem mặt một cô gái khác. Với máu ưa mạo hiểm sẵn có, tôi vui vẻ làm thêm một chuyến viễn du. Nàng là con gái út của một gia đình khá nổi tiếng ở Huế, hiền lành và dễ thương. Ra thăm nàng một hai lần rồi mọi chuyện chìm lắng. Tôi vẫn tiếp tục những chuyến công tác đầy nguy hiểm mà tôi đã chọn trong cuộc đời binh nghiệp của mình. Một người bạn cho tôi biết nàng cũng có một người bồ Không Quân nhưng không được gia đình tán thành vì người anh rể đầu trong gia đình, một Sĩ quan Không Quân cùng khóa với tướng Nguyễn Cao Kỳ, đã mất tích trong một phi vụ thả toán ngoài Bắc. Có lẽ gia đình nàng nghĩ rằng lấy Hải Quân an toàn hơn. Tôi cũng không thắc mắc vì biết vài anh chàng khác cũng đang theo đuổi nàng. Vài tháng sau, tôi được tin người bồ của nàng bị thiệt mạng trong một cuộc tấn công của đặc công Việt Cộng vào khách sạn Hương Giang. Và giữa năm 1968, ông già hỏi ý kiến tôi về chuyện hôn nhân. Có lẽ khá mệt mỏi sau bốn năm công tác cũng như những cuộc tình không đi đến đâu, tôi đồng ý với quyết định của gia đình. Cho đến lúc này, gia đình nàng vẫn tưởng tôi đi Duyên Đoàn, an toàn chỉ huy các ghe hải thuyền tà tà đi bắt cá. Cho đến khi bà xã tôi có bầu được mấy tháng thì mọi người biết được tôi đang đảm nhiệm các công tác tại miền Bắc. Ám ảnh bởi cái chết của người anh rể đầu, ông bà già vợ yêu cầu tôi lên bờ càng sớm càng tốt. Từ lúc lập gia đình, tôi cũng hơi lạnh cẳng mỗi khi đi công tác nên cuối cùng tôi xin lên bờ đúng vào lúc bà xã tôi sinh cháu trai đầu lòng vào giữa năm 1969.

Cũng trong năm này, đơn vị được tuyên dương công trạng trước Quân đội, mang dây biểu chương màu Bảo Quốc Huân Chương cũng như được ân thưởng Meritorious Unit Commendation từ Tổng Thống Hoa Kỳ.

Tôi làm Sĩ quan huấn luyện được thêm mấy tháng và sau đó thuyên chuyển qua làm Chỉ huy trưởng Căn cứ Hải Quân Đà Nẵng

11-08-2004
